TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 531/2026/DS-PT
Ngày: 12 – 8 – 2026
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Cao Khánh

Ông Đặng Minh Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kim Thắng - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Quyền – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 12 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 323/2026/TLPT-DS, ngày 25 tháng 6 năm 2026 về việc tranh chấp hụi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 273/2026/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 493/2026/QĐ-PT ngày 14 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Chị Trương Kiều T, sinh năm 1988; Căn cước công dân số 096188015643, cấp ngày 14/8/2021;

2. Chị Trương Ngọc Đ, sinh năm 1984; Căn cước số 096184007665, cấp ngày 09/10/2024;

3. Ông Trương Văn S, sinh năm 1958; Căn cước công dân số 096058003245, cấp ngày 14/8/2021;

4. Chị Trương Thị Kiều N, sinh năm 1982; Căn cước số 096182004333, cấp ngày 19/12/2024;

5. Chị Bào Thị B, sinh năm 1991; Căn cước công dân số 096191011557, cấp ngày 16/9/2021;

6. Bà Lê Thị B1, sinh năm 1969; Căn cước công dân số 096169015214, cấp

ngày 18/11/2021;

7. Chị Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1971; Căn cước công dân số 096171008524, cấp ngày 14/8/2021;

8. Bà Huỳnh Thị T2, sinh năm 1954; Căn cước công dân số 096154001865, cấp ngày 14/8/2021;

9. Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1980; Căn cước số 096180007499, cấp ngày 19/6/2025;

10. Chị Huỳnh Thị B2, sinh năm 1980; Căn cước công dân số 096180003738, cấp ngày 11/8/2021;

11. Chị Nguyễn Thị N2, sinh năm 1988; Căn cước công dân số 096188014427, cấp ngày 18/11/2021;

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền của các nguyên đơn chị Trương Kiều T, chị Trương Thị Đ1, ông Trương Văn S, chị Trương Thị Kiều N, bà Lê Thị B1, chị Nguyễn Thanh T1, bà Huỳnh Thị T2, chị Nguyễn Thị N1, chị Huỳnh Thị B2, chị Nguyễn Thị N2 theo văn bản uỷ quyền ngày 19/01/2026: Chị Bào Thị B, sinh năm 1991; Căn cước công dân số 096191011557, cấp ngày 16/9/2021; Địa chỉ: ấp Đ, xã T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- ***Bị đơn:*** Chị Ngô Bích V, sinh năm 1982; Căn cước công dân số 096182004842, cấp ngày 11/8/2021; Địa chỉ: ấp Đ, xã T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan****:*

1. Anh Bào Thanh Đ2, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Anh Hà Văn Đ3, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- ***Người kháng cáo****:* Bà Ngô Bích V là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, chị Bào Thị B là nguyên đơn và là người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn chị Nguyễn Thị N2, chị Huỳnh Thị B2, chị Nguyễn Thị N1, bà Huỳnh Thị T2, chị Nguyễn Thanh T1, bà Lê Thị B1, chị Trương Thị Kiều N, ông Trương Văn S, chị Trương Ngọc Đ, chị Trương Kiều T trình bày:

Chị Ngô Bích V có tham gia tổ hùn vốn góp hụi do chị em trong chi Hội Liên hiệp Phụ nữ ấp Đ, xã T tổ chức để tương trợ phát triển kinh tế gia đình. Khi chị V là hội viên, thì bà Nguyễn Hồng T3 làm chủ nhiệm còn bà Lê Thị B1 được tập thể giao làm người đại diện đi gom tiền hụi và giao tiền hụi cho các hội viên. Việc tổ chức chơi hụi không có thông qua Hội Liên hiệp Phụ nữ xã T nên Hội Liên hiệp Phụ nữ xã không có quản lý hoạt động hùn vốn góp hụi này, nhưng có

lập quy ước chơi hụi kèm theo danh sách hụi viên tham gia. Quá trình thực hiện, chị V không thực hiện nghĩa vụ góp hụi chết, dẫn đến tranh chấp, cụ thể:

- Dây hụi số 42, mở ngày 02/10/2023, loại hụi 01 triệu đồng, mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 02 hàng tháng (đến ngày 02/3/2027 thì mãn hụi), hoa hồng cho người đại diện là 300.000 đồng/chân, dây hụi có 22 hội viên tham gia, có 42 chân trong đó, chị V tham gia 02 chân. Quá trình giao dịch, chị V đã hốt chân thứ nhất vào ngày 02/3/2024, với số tiền hụi hốt được là 27.640.000 đồng (đã trừ hoa hồng) và được đối trừ hụi chết những dây hụi trước đó với số tiền 18.770.000 đồng, còn lại 8.870.000 đồng đã giao đủ cho chị V, thể hiện tại mục số 6, sổ giao hụi, chị V có ký tên xác nhận. Đến ngày 02/11/2024, chị V hốt chân thứ hai được số tiền 29.780.000 đồng (đã trừ hoa hồng), số tiền này được đối trừ tiền phải đóng lại của 14 chân hụi chết và 01 chân hụi sống tại kỳ hụi tháng 11 năm 2024 với số tiền là 20.450.000 đồng nên số tiền hốt hụi còn lại là 9.330.000 đồng. Tuy nhiên, do chị V còn nợ tiền hụi tháng 10 năm 2024 số tiền là 12.300.000 đồng nên đối trừ thì chị V nợ lại 2.970.000 đồng - số tiền này, chị V đã trả được 1.970.000 đồng, còn nợ lại 1.000.000 đồng.

Trong dây hụi này, chị V còn nợ hụi chết các nguyên đơn chị Huỳnh Thị B2, bà Lê Thị B1, chị Bào Thị B và chị Nguyễn Thị N1 số tiền hụi tính từ ngày 02/12/2024 đến ngày 02/01/2026 với tổng số tiền 15.500.000 đồng. Trong đó, chị Huỳnh Thị B2 hốt hụi vào ngày 02/11/2025 và hốt hụi ngày 02/01/2026, nhưng chị V chưa đóng hụi chết số tiền 4.000.000 đồng; Bà Lê Thị B1 hốt hụi ngày 02/9/2025, ngày 02/10/2025 nhưng chị V chưa đóng hụi chết số tiền 4.000.000 đồng; Chị Bào Thị B hốt hụi ngày 02/6/2025, ngày 02/7/2025 và ngày 02/8/2025, với tổng số tiền hụi chết chị V phải đóng là 6.000.000 đồng, đã đóng 500.000 đồng, còn nợ lại 5.500.000 đồng; Chị Nguyễn Thị N1 hốt hụi ngày 02/12/2025, nhưng chị V chưa đóng hụi chết số tiền 2.000.000 đồng.

- Dây hụi số 32, mở ngày 02/7/2023, loại hụi 02 triệu đồng, mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 02 hàng tháng (đến ngày 02/2/2026 thì mãn hụi), hoa hồng cho người đại diện 600.000 đồng/chân, dây hụi có 18 hội viên tham gia (Quy ước ghi số lượng 22 hội viên; Đơn khởi kiện ghi 16 hội viên là do ghi nhầm), có 32 chân trong đó, chị V tham gia 03 chân và đã hốt hết, cụ thể:

+ Chân thứ 01, chị V hốt hụi vào ngày 02/9/2023, sau khi trừ hoa hồng thì còn lại số tiền hốt hụi được là 43.550.000 đồng, trừ hụi chết 16.022.000 đồng, chị V còn lại số tiền 27.528.000 đồng đã giao đủ tiền cho chị V.

+ Chân thứ 02, chị V hốt hụi vào ngày 02/6/2024, sau khi trừ hoa hồng thì còn lại số tiền hốt hụi được là 50.400.000 đồng, trừ hụi chết 20.450.000 đồng, chị V còn lại số tiền 29.950.000 đồng đã giao đủ tiền cho chị V.

+ Chân thứ 3, chị V hốt hụi vào ngày 02/02/2025, sau khi trừ hoa hồng thì còn lại số tiền hốt hụi được là 55.280.000 đồng, do chị V còn nợ hụi chết các dây hụi trước đó với số tiền 52.230.000 đồng nên được đối trừ, số tiền hốt hụi chị V còn lại là 3.050.000 đồng. Tuy nhiên, chị V có thoả thuận trả chị Trương Kiều T số tiền 3.000.000 đồng; Trả cho bà Huỳnh Thị L, số tiền 2.000.000 đồng nên chị

V còn nợ lại bà Lê Thị B1 1.950.000 đồng. Sau đó, chị V đã thanh toán xong cho bà B1.

Dây hụi này, chị V còn nợ hụi chết các nguyên đơn chị Trương Kiều T, chị Trương Ngọc Đ, chị Trương Thị Kiều N, chị Nguyễn Thị N1 và ông Trương Văn S số tiền hụi tính từ ngày 02/3/2025 đến ngày 02/01/2026 với tổng số tiền 42.000.000 đồng. Trong đó, chị Trương Kiều T hốt hụi ngày 02/10/2025 nhưng chị V chưa đóng hụi chết số tiền 6.000.000 đồng; Chị Trương Ngọc Đ hốt hụi ngày 02/7/2025 và ngày 02/8/2025 nhưng chị V chưa đóng hụi chết số tiền 12.000.000 đồng; Chị Trương Thị Kiều N hốt ngày 02/01/2026 nhưng chị V chưa đóng hụi chết số tiền 6.000.000 đồng; Chị Nguyễn Thị N1 hốt hụi ngày 02/09/2025 và ngày 02/12/2025, nhưng chị V chưa đóng hụi chết số tiền 12.000.000 đồng; Ông Trương Văn S hốt ngày 02/11/2025 nhưng chị V chưa đóng hụi chết số tiền 6.000.000 đồng.

- Dây hụi số 44, mở ngày 02/11/2022, loại hụi 01 triệu đồng, mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 02 hàng tháng (đến ngày 02/7/2026 thì mãn hụi), hoa hồng cho người đại diện 300.000 đồng/chân, dây hụi có 21 hụi viên, có 44 chân trong đó chị V tham gia 02 chân và đã hốt hết.

Dây hụi này, chị V còn nợ hụi chết các nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T1, ông Trương Văn S, chị Nguyễn Thị N1 và chị Trương Ngọc Đ số tiền hụi tính từ ngày 02/3/2025 đến ngày 02/01/2026 số tiền 10.000.000 đồng. Trong đó, chị Nguyễn Thanh T1 hốt hụi ngày 02/3/2025 nhưng chị V chưa đóng hụi chết số tiền 2.000.000 đồng; Ông Trương Văn S hốt hụi ngày 02/10/2025 nhưng chị V chưa đóng hụi chết số tiền 2.000.000 đồng; Chị Nguyễn Thị N1 hốt hụi ngày 02/8/2025 và ngày 02/9/2025 nhưng chị V chưa đóng hụi chết số tiền 4.000.000 đồng; Chị Trương Ngọc Đ hốt hụi ngày 02/12/2025, nhưng chị V chưa đóng hụi chết số tiền 2.000.000 đồng; Chị Trương Kiều T hốt hụi ngày 02/4/2025, chị V đã đóng hụi chết 2.000.000 đồng cho chị T.

- Dây hụi số 45, mở ngày 02/4/2023, loại hụi 01 triệu đồng, mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 02 hàng tháng (đến ngày 02/12/2026 thì mãn hụi), hoa hồng cho người đại diện 300.000 đồng/chân, dây hụi có 24 hụi viên tham gia, có 45 chân trong đó, chị V tham gia 04 chân và đã hốt hết.

Dây hụi này, chị V còn nợ hụi chết các nguyên đơn bà Huỳnh Thị T2, chị Nguyễn Thị N1, ông Trương Văn S, chị Nguyễn Thị N2 với tổng số tiền hụi tính từ ngày 02/3/2025 đến ngày 02/01/2026 là 20.000.000 đồng. Trong đó, bà Huỳnh Thị T2 hốt hụi ngày 02/9/2025 nhưng chị V chưa đóng hụi chết số tiền 4.000.000 đồng; Chị Nguyễn Thị N1 hốt hụi ngày 02/8/2025 nhưng chị V chưa đóng hụi chết số tiền 4.000.000 đồng; Ông Trương Văn S hốt ngày 02/12/2025 nhưng chị V chưa đóng hụi chết số tiền 4.000.000 đồng; Chị Nguyễn Thị N2 hốt hụi ngày 02/7/2025 và ngày 02/10/2025, nhưng chị V chưa đóng hụi chết số tiền 8.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn yêu cầu chị Ngô Bích V cùng chồng là anh Bào T4 Đoàn có trách nhiệm trả cho các nguyên đơn

tổng số tiền hụi chết còn nợ tính đến ngày 02/01/2026 là 87.500.000 đồng, cụ thể: Trả cho chị Trương Kiều T số tiền 6.000.000 đồng; Trả cho chị Trương Ngọc Đ số tiền 14.000.000 đồng; Trả cho ông Trương Văn S số tiền 12.000.000 đồng; Trả cho chị Trương Thị Kiều N số tiền 6.000.000 đồng; Trả cho chị Bào Thị B số tiền 5.500.000 đồng; Trả cho bà Lê Thị B1 số tiền 4.000.000 đồng; Trả cho chị Nguyễn Thanh T1 số tiền 2.000.000 đồng; Trả cho bà Huỳnh Thị T2 số tiền 4.000.000 đồng; Trả cho chị Nguyễn Thị N1 số tiền 22.000.000 đồng; Trả cho chị Huỳnh Thị B2 số tiền 4.000.000 đồng và trả cho chị Nguyễn Thị N2 số tiền 8.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của chị V, nguyên đơn bà Lê Thị B1 không đồng ý vì số tiền hốt hụi của chị V đã được đối trừ nợ hụi của chị V trước đó và bà B1 cùng chồng của chị Bào Thị B là anh Hà Văn Đ3 không có lời lẽ chửi mắng, lăng mạ, đe doạ tính mạng như đơn chị V trình bày.

Tại đơn phản tố và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, chị Ngô Bích V (bị đơn) trình bày:

Chị có tham gia tổ hùn vốn góp hụi do chi Hội liên hiệp phụ nữ ấp Đ, xã T tổ chức, khi chị là hội viên thì bà Nguyễn Hồng T3 làm chủ nhiệm, còn bà Lê Thị B1 làm chủ hụi. Trong quá trình tham gia tổ hùn vốn, chị có tham gia các dây hụi sau:

- Dây hụi số 42, mở ngày 02/10/2023, dây hụi có 22 hội viên tham gia, gồm 42 chân, loại hụi 01 triệu đồng, mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 02 hàng tháng, hoa hồng cho chủ hụi 300.000 đồng/chân, chị tham gia 02 chân. Chị đã hốt 01 chân, không nhớ rõ số tiền hốt được nhưng đã đóng lại đủ hụi chết; Chân thứ 2, hốt ngày 12/11/2024, bỏ thăm 392.000 đồng, hốt được số tiền 30.000.000 đồng nhưng bà B1 không có chung tiền hụi.

- Dây hụi số 32, mở ngày 02/7/2023, dây hụi có 22 hội viên tham gia, gồm 32 chân, loại hụi 02 triệu đồng, mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 02 hàng tháng, hoa hồng cho chủ hụi 600.000 đồng/chân, chị tham gia 03 chân. Chị đã hốt 02 chân hụi, không nhớ rõ số tiền đã hốt nhưng đã đóng lại đủ hụi chết; Chân thứ 3, hốt ngày 02/5/2025, bỏ thăm 610.000 đồng, hốt được số tiền 54.000.000 đồng nhưng bà B1 không có chung tiền hụi.

- Dây hụi số 44, mở ngày 02/11/2022, dây hụi có 21 hội viên tham gia, gồm 44 chân, loại hụi 01 triệu đồng, mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 02 hàng tháng, hoa hồng cho chủ hụi 300.000 đồng/chân, chị V tham gia 02 chân. Chị đã hốt hết 02 chân hụi và có đóng lại tiền hụi chết đến ngày 02/5/2025 nhưng từ ngày 02/6/2025 đến nay, chị chỉ góp lại tiền hụi trả cho bà Huỳnh Thị L số tiền 2.000.000 đồng và không có góp hụi cho bà B1 để trả cho các nguyên đơn.

- Dây hụi số 45, mở ngày 02/4/2023, dây hụi có 24 hội viên tham gia, gồm 45 chân, loại hụi 01 triệu đồng, mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 02 hàng tháng, hoa hồng cho chủ hụi 300.000 đồng/chân, chị tham gia 02 chân. Chị đã hốt hết 02 chân hụi và có đóng lại tiền hụi chết đến ngày 02/5/2025 nhưng từ ngày 02/6/2025 đến nay, chị chỉ góp lại tiền hụi trả cho bà Huỳnh Thị L số tiền 2.000.000 đồng,

trả bà Huỳnh Thị H số tiền 4.000.000 đồng, không có góp hụi cho bà B1 để trả cho các nguyên đơn.

Đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, chị V xác định chỉ nợ chị Trương Kiều T số tiền 6.000.000 đồng, đã trả 2.000.000 đồng còn nợ lại 4.000.000 đồng; Nợ chị Bào Thị B 4.000.000 đồng, đã trả 500.000 đồng còn nợ lại 3.500.000 đồng; Nợ chị Nguyễn Thị N1 (tên trong giấy hụi: Nguyễn Kiều N3) số tiền 6.000.000 đồng; Nợ chị Nguyễn Thị N2 số tiền 6.000.000 đồng; Nợ ông Trương Văn S số tiền 6.000.000 đồng. Tuy nhiên, kể từ ngày 02/02/2025 đến nay, chị đã ra khỏi chi Hội Phụ nữ nên không xác định được có nợ chị Trương Ngọc Đ, ông Trương Văn S, chị Trương Thị Kiều N, bà Lê Thị B1, chị Nguyễn Thanh T1, bà Huỳnh Thị T2 và chị Huỳnh Thị B2 hay không nhưng tại phiên tòa, chị thừa nhận các dây hụi chị tham gia đã hốt hết và đồng ý trả nợ hụi chết cho các nguyên đơn nhưng với điều kiện bà Lê Thị B1 phải trả cho chị số tiền hốt hụi của dây hụi số 32 mà bà B1 chưa chung là 57.900.000 đồng để chị trả lại cho các nguyên đơn, các dây hụi còn lại không có tranh chấp nên không yêu cầu gì. Riêng việc các nguyên đơn yêu cầu anh Bào Thanh Đ2 (chồng của chị) cùng có trách nhiệm trả nợ, chị không đồng ý vì việc chơi hụi anh Đ2 không biết, chị chơi hụi nhằm lo chi phí cho con học đại học. Đồng thời, chị V yêu cầu bà B1 cùng anh Hà Văn Đ3 xin lỗi công khai tại nơi cư trú vì có những hành động chửi mắng, lăng mạ, đe dọa đến tính mạng của chị cùng gia đình trong quá trình đòi nợ, gây ảnh hưởng đến uy tín gia đình chị suốt thời gian qua.

Đối với chữ ký, chữ viết tên Ngô Bích V tại mục số 14, tên Ngô Bích V tại mục số 6 trong 02 bản giấy học sinh do chị B cung cấp (BL 53-54) không phải là chữ ký, chữ viết của chị còn tại các mục 3, 8, 13, 14, 16, 17 trong ba tờ giấy do chị B cung cấp tại phiên tòa là chữ ký, chữ viết tên Ngô Bích V do chị ký, viết ra (BL 118-120), các chữ ký, chữ viết còn lại không phải của chị nhưng chị không đặt ra yêu cầu Tòa án giám định chữ ký, chữ viết họ tên nêu trên.

Tại văn bản ý kiến ngày 03/4/2026 và lời khai tại phiên tòa, anh Hà Văn Đ3 trình bày:

Việc chị V cho rằng anh có hành động chửi mắng, lăng mạ, đe dọa đến tính mạng của chị V cùng gia đình là không đúng sự thật, chị V không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc này nên anh không đồng ý với yêu cầu phản tố của chị V và đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định, không yêu cầu Tòa án hòa giải lại vụ án.

Tại phiên tòa, anh Bào Thanh Đ2 trình bày:

Việc chị Ngô Bích V (vợ của anh) tham gia chơi hụi, anh không biết đến khi anh Đ3 (chồng chị B), bà B1 đến đòi nợ thì anh mới biết và anh có trả 500.000 đồng cho anh Đ3, việc chị V chơi hụi nhằm lo chi phí học đại học cho con nhưng anh không đồng ý cùng chị V có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ trên cho các nguyên đơn. Đồng thời, anh yêu cầu Tòa án không phải hòa giải lại vụ án mà đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 273/2026/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau quyết định:

Căn cứ các Điều 468, 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N2, chị Huỳnh Thị B2, chị Nguyễn Thị N1, bà Huỳnh Thị T2, chị Nguyễn Thanh T1, bà Lê Thị B1, chị Trương Thị Kiều N, ông Trương Văn S, chị Trương Ngọc Đ, chị Bào Thị B và chị Trương Kiều T.

Buộc anh Bào Thanh Đ2, chị Ngô Bích V cùng có trách nhiệm trả nợ cho các đương sự gồm:

- Trả cho chị Trương Kiều T số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng);

- Trả cho chị Trương Ngọc Đ số tiền 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng);

- Trả cho ông Trương Văn S số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng);

- Trả cho chị Trương Thị Kiều N số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng);

- Trả cho chị Bào Thị B số tiền 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng);

- Trả cho bà Lê Thị B1 số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng);

- Trả cho chị Nguyễn Thanh T1 số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng);

- Trả cho bà Huỳnh Thị T2 số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng);

- Trả cho chị Nguyễn Thị N1 số tiền 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng);

- Trả cho chị Huỳnh Thị B2 số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng);

- Trả cho chị Nguyễn Thị N2 số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Không chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Bích V về việc kiện đòi bà Lê Thị B1 trả số tiền 57.900.000 đồng (năm mươi bảy triệu chín trăm nghìn đồng) và cùng anh Hà Văn Đ3 xin lỗi công khai tại nơi cư trú.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án; về áp dụng tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 02 tháng 6 năm 2026, chị Ngô Bích V là bị đơn kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Ngọc Đ số tiền 14.000.000 đồng, ông Trương Văn S1 số tiền 12.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị N1 yêu cầu số tiền 22.000.000 đồng, chị Trương Thị Kiều N, bà Lê Thị B1, chị Nguyễn Thanh T5, bà Huỳnh Thị T2, chị Huỳnh Thị B2. Tại phiên toà phúc thẩm, chị Ngô Bích V thay đổi một phần nội dung kháng cáo, theo đó chị V đồng ý trả nợ hụi cho các nguyên đơn với điều kiện chị bà Lê Thị B1 phải giao tiền hốt hụi của hai dây hụi 32 và 42 tổng số tiền là 84.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm số: 284/2026/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau và giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cáo của chị Ngô Bích V thực hiện trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng:

Các đương sự tham gia các dây hụi có lời, có ban hành quy ước được Trưởng Ban nhân dân ấp ký xác nhận, có lập danh sách hụi viên, có cử bà Lê Thị B1 là người gom hụi giao tiền hốt hụi cho hội viên khi hốt hụi.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà, các đương sự xác định khi đến kỳ khui hụi thì các hụi viên góp hụi cho bà Lê Thị B1 và bà B1 là người có trách nhiệm gom tiền hụi của các hụi viên khác để giao cho hụi viên hốt hụi, các hụi viên không trực tiếp đưa tiền hụi cho hụi viên hốt hụi. Như vậy, theo quy ước thoả thuận của các hụi viên đã ký kết giao nhiệm vụ cho bà Lê Thị B1 như là chủ hụi, đồng thời khi có hụi viên hốt hụi thì bà Lê Thị B1 được hưởng tiền hoa hồng đối với dây 01 triệu đồng thì bà Lê Thị B1 được hưởng 300.000 đồng, dây 02 triệu đồng bà Lê Thị B1 được hưởng tiền hoa hồng là 600.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện các đương sự thừa nhận nên không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, khi chị Ngô Bích V hốt hụi thì bà Lê Thị B1 với tư cách là chủ hụi phải có trách nhiệm gom tiền hụi từ các hụi viên còn lại của dây hụi để giao tiền hốt hụi cho bà Ngô Bích V; đồng thời, trường hợp bà Ngô Bích V không đóng tiền hụi thì bà Lê Thị B1 có trách nhiệm đôn đốc nhắc nhở bà V đóng tiền hụi hoặc bà Lê Thị B1 là chủ hụi có thể khởi kiện bà Ngô Bích V tại Toà án yêu cầu giải quyết về nợ hụi.

Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án xác định 11 hụi viên đơn lẻ là nguyên đơn là không đúng quy ước tập thể và quy định pháp luật, lẽ ra phải thụ lý bà Lê Thị B1 chủ hụi là nguyên đơn, còn 11 hụi viên là người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan. Việc Toà án cấp sơ thẩm xác định tư nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đúng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, Toà án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên cần huỷ bản án sơ thẩm giao hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung:

Khi thụ lý lại vụ án, Toà án cấp sơ thẩm cần làm rõ chị Ngô Bích V nợ hụi cụ thể của dây hụi nào, số tiền từng dây hụi và lần khui hụi là bao nhiêu và tổng số tiền nợ hụi là bao nhiêu; đồng thời, chị Ngô Bích V hốt hụi của dây hụi 32 và dây hụi 42 cụ thể bao nhiêu tiền để có thể đối trừ nếu có; cần thiết cho các đương sự đối chất để làm rõ từng nội dung tranh chấp.

[4] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số: 284/2026/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Do có căn cứ huỷ bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung kháng cáo của chị Ngô Bích V.

[4] Về án phí: Tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm của chị Trương Kiều T, chị Trương Ngọc Đ, ông Trương Văn S, chị Trương Thị Kiều N, chị Bào Thị B, bà Lê Thị B1, chị Nguyễn Thanh T1, bà Huỳnh Thị T2, chị Nguyễn Thị N1, chị Huỳnh Thị B2 và chị Nguyễn Thị N2 sẽ được xem xét giải quyết khi Toà án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm, chị Ngô Bích V không phải chịu; chị V đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0007166 ngày 02/6/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được hoàn lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Ngô Bích V; Huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số: 273/2026/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau.

Giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau thụ lý, giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

Tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm của chị Trương Kiều T, chị Trương Ngọc Đ, ông Trương Văn S, chị Trương Thị Kiều N, chị Bào Thị B, bà Lê Thị B1, chị Nguyễn Thanh T1, bà Huỳnh Thị T2, chị Nguyễn Thị N1, chị Huỳnh Thị B2 và chị Nguyễn Thị N2 sẽ được xem xét giải quyết khi Toà án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm, chị Ngô Bích V không phải chịu; chị V đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0007166 ngày 02/6/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được hoàn lại.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- TAND khu vực 3 - Cà Mau;
- THADS Khu vực 3 - Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thanh Dũng